ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH
Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 335/2026/NĐ-CP

Tháng 11 năm 2026

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ (thôn)	Hệ số	Thành tiền (Mức chuẩn 500.000đ x hệ số)
I	**Đối tượng từ đủ 75 tuổi trở lên**				**446.220.000**
1	Nguyễn Thị Kiêm	08/03/1940	Du Lễ 1	1,00	740.000
2	Đỗ Thị Thắng	20/06/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
3	Nguyễn Thị Nam	08/03/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
4	Phạm Thị Hợi	02/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
5	Nguyễn Thị Lính	01/01/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
6	Nguyễn Văn Tứ	01/01/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
7	Phạm Tiến Ruyên	03/08/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
8	Phạm Thị Kỷ	09/06/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
9	Nguyễn Duy Thầm	18/06/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
10	Phạm Tiến Tung	01/05/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
11	Nguyễn Đức Qũy	12/12/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
12	Nguyễn Thị Nhấn	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
13	Nguyễn Thị Tình	10/11/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
14	Nguyễn Thị Dần	10/06/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
15	Nguyễn Đức Thanh	10/10/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
16	Nguyễn Thị Quy	05/02/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
17	Nguyễn Thị Chăm	01/06/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
18	Đào Thị Lan	10/10/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
19	Phạm Tiến Khuy	12/05/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
20	Phạm Hữu Roãn	06/10/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
21	Tăng Thị Tâm	02/02/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
22	Phạm Thị Cấp	05/10/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
23	Đào Thị Nhì	10/10/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
24	Nguyễn Thị Am	26/03/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
25	Đào Văn Hốt	01/01/1937	Du Lễ 1	1,00	740.000
26	Nguyễn Khắc Vì	01/01/1937	Du Lễ 1	1,00	740.000
27	Phạm Thị Tâm	01/01/1938	Du Lễ 1	1,00	740.000
28	Phạm Thị My	01/01/1940	Du Lễ 1	1,00	740.000
29	Vũ Thị Thuận	01/08/1932	Du Lễ 1	1,00	740.000

30	Nguyễn Đức Lưỡng	20/07/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
31	Vũ Thị Kỹ	11/03/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
32	Đỗ Đại Thoa	15/06/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
33	Phạm Hùng Thắng	01/01/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
34	Đỗ Thị Thinh	10/08/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
35	Đỗ Thị Mên	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
36	Nguyễn Thị Láng	12/02/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
37	Đỗ Thị Ngồm	08/12/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
38	Nguyễn Thị Hiệng	02/04/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
39	Đào Thị Lúng	10/07/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
40	Đào Xuân Yêng	10/01/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
41	Vũ Thị Lắm	16/08/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
42	Đỗ Văn Dũng	02/02/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
43	Nguyễn Đình Nội	08/04/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
44	Nguyễn Thị Ngái	08/06/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
45	Đỗ Thị Sửu	01/10/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
46	Phạm Thị Thành	10/09/1945	Du Lễ 1	1,00	740.000
47	Đào Thị Phơ	08/10/1945	Du Lễ 1	1,00	740.000
48	Nguyễn Thị Lưỡng	02/01/1951	Du Lễ 1	1,00	740.000
49	Phạm Thị Tấp	01/01/1951	Du Lễ 1	1,00	740.000
50	Nguyễn Thị Chất	23/05/1951	Du Lễ 1	1,00	740.000
51	Nguyễn Thị Thà	01/01/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
52	Nguyễn Thị Nông	12/01/1932	Du Lễ 1	1,00	740.000
53	Nguyễn Thị Ngát	01/01/1938	Du Lễ 1	1,00	740.000
54	Nguyễn Đình Nga	27/04/1938	Du Lễ 1	1,00	740.000
55	Nguyễn Thị Miên	01/01/1941	Du Lễ 1	1,00	740.000
56	Phạm Thị Sót	01/01/1933	Du Lễ 1	1,00	740.000
57	Phạm Hữu Tiến	19/09/1939	Du Lễ 1	1,00	740.000
58	Trịnh Thị Tre	01/01/1933	Du Lễ 1	1,00	740.000
59	Nguyễn Quang Vinh	10/05/1945	Du Lễ 1	1,00	740.000
60	Đào Thị Luyến	20/03/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
61	Nguyễn Hồng Vỹ	10/08/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
62	Vũ Hữu Bắc	15/10/1945	Du Lễ 1	1,00	740.000
63	Nguyễn Thị Phường	03/08/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
64	Đào Thị Chuộm	20/07/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
65	Nguyễn Thị Non	13/05/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
66	Đỗ Thị Mịn	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000

67	Vũ Thị Tinh	01/01/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
68	Đào Thị Lý	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
69	Vũ Thị Ái	04/08/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
70	Nguyễn Thị Thái	27/12/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
71	Đào Xuân Lự	08/02/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
72	Vũ Thị Biên	04/09/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
73	Đỗ Thị Đào	18/08/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
74	Đào Thị Phin	02/10/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
75	Nguyễn Thị Cạ	15/04/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
76	Nguyễn Thị Bám	17/08/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
77	Hoàng Kim Sòong	20/10/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
78	Vũ Hữu Ty	02/02/1946	Du Lễ 1	1,00	740.000
79	Cao Thị My	28/10/1939	Du Lễ 1	1,00	740.000
80	Đồng Thị Phâu	01/01/1924	Du Lễ 1	1,00	740.000
81	Nguyễn Duy Dương	20/05/1934	Du Lễ 1	1,00	740.000
82	Nguyễn Thị Ợt	10/06/1930	Du Lễ 1	1,00	740.000
83	Nguyễn Đình Ngũ	01/01/1931	Du Lễ 1	1,00	740.000
84	Nguyễn Thị Chận	08/03/1936	Du Lễ 1	1,00	740.000
85	Nguyễn Thị Kền	01/01/1932	Du Lễ 1	1,00	740.000
86	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1935	Du Lễ 1	1,00	740.000
87	Nguyễn Thị Nhất	01/01/1938	Du Lễ 1	1,00	740.000
88	Nguyễn Thị Tẽo	01/01/1926	Du Lễ 1	1,00	740.000
89	Nguyễn Đức Nhung	12/05/1934	Du Lễ 1	1,00	740.000
90	Nguyễn Duy Khuể	01/06/1937	Du Lễ 1	1,00	740.000
91	Phạm Hữu Phả	04/04/1936	Du Lễ 1	1,00	740.000
92	Phạm Thị Hựu	01/01/1930	Du Lễ 1	1,00	740.000
93	Phạm Tiến Chi	14/04/1932	Du Lễ 1	1,00	740.000
94	Phạm Tiến Thuật	01/05/1935	Du Lễ 1	1,00	740.000
95	Phạm Thị Nhạt	13/06/1940	Du Lễ 1	1,00	740.000
96	Phạm Thị Hòa	24/08/1942	Du Lễ 1	1,00	740.000
97	Phạm Văn Minh	01/10/1942	Du Lễ 1	1,00	740.000
98	Tăng Xuân Quang	27/01/1937	Du Lễ 1	1,00	740.000
99	Nguyễn Duy Thấu	10/01/1944	Du Lễ 1	1,00	740.000
100	Phạm Thị Ý	02/05/1943	Du Lễ 1	1,00	740.000
101	Phạm Văn Điền	02/02/1944	Du Lễ 1	1,00	740.000
102	Đỗ Thị Tọ	01/01/1926	Du Lễ 1	1,00	740.000
103	Phạm Thị Tri	01/01/1944	Du Lễ 1	1,00	740.000

104	Phạm Thị Đảm	04/06/1944	Du Lễ 1	1,00	740.000
105	Phạm Thị Thoa	01/01/1944	Du Lễ 1	1,00	740.000
106	Cao Thị Bốn	01/01/1945	Du Lễ 1	1,00	740.000
107	Phạm Thị Diến	15/05/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
108	Lý Thị Ngạn	01/01/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
109	Nguyễn Thị Đảnh	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
110	Nguyễn Thị Thước	06/06/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
111	Nguyễn Thị Xoan	20/08/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
112	Nguyễn Thị Thông	03/02/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
113	Đào Thị Nhinh	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
114	Nguyễn Văn Ba	01/01/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
115	Phạm Thị Vinh	15/02/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
116	Nguyễn Thị Thuấn	01/01/1947	Du Lễ 1	1,00	740.000
117	Lê Thị Luốn	10/11/1948	Du Lễ 1	1,00	740.000
118	Đỗ Danh Bảo	12/08/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
119	Đào Thị Mín	01/01/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
120	Đào Thị Thép	17/08/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
121	Phạm Năng Nhân	02/09/1945	Du Lễ 1	1,00	740.000
122	Đào Xuân Gang	20/10/1950	Du Lễ 1	1,00	740.000
123	Nguyễn Thị Ngôm	01/01/1949	Du Lễ 1	1,00	740.000
124	Phạm Tiến Hăng	01/01/1951	Du Lễ 1	1,00	740.000
125	Đào Thị Suốt	10/02/1942	Du Lễ 2	1,00	740.000
126	Phạm Thị Cười	08/07/1941	Du Lễ 2	1,00	740.000
127	Phạm Thị Đận	20/05/1950	Du Lễ 2	1,00	740.000
128	Cao Văn Bàng	10/10/1949	Du Lễ 2	1,00	740.000
129	Nguyễn Thị Nghĩa	05/06/1949	Du Lễ 2	1,00	740.000
130	Nguyễn Thị Thân	14/04/1947	Du Lễ 2	1,00	740.000
131	Nguyễn Thị Mây	16/08/1947	Du Lễ 2	1,00	740.000
132	Đỗ Văn Tinh	24/02/1946	Du Lễ 2	1,00	740.000
133	Phạm Duy Đinh	07/05/1948	Du Lễ 2	1,00	740.000
134	Nguyễn Đình Lâm	20/04/1950	Du Lễ 2	1,00	740.000
135	Linh Thị Thanh	06/02/1950	Du Lễ 2	1,00	740.000
136	Tăng Xuân Cầu	20/05/1950	Du Lễ 2	1,00	740.000
137	Nguyễn Thị Thuyết	16/04/1948	Du Lễ 2	1,00	740.000
138	Nguyễn Thị Tuyết	12/11/1948	Du Lễ 2	1,00	740.000
139	Tăng Thị Lê	14/10/1946	Du Lễ 2	1,00	740.000
140	Phạm Thị Bót	06/03/1948	Du Lễ 2	1,00	740.000

141	Bùi Thị Lụa	07/04/1940	Du Lễ 2	1,00	740.000
142	Cao Thị Dâu	01/01/1938	Du Lễ 2	1,00	740.000
143	Cao Thị Nga	06/06/1934	Du Lễ 2	1,00	740.000
144	Cao Thị Nhất	01/07/1931	Du Lễ 2	1,00	740.000
145	Cao Văn Trất	06/06/1939	Du Lễ 2	1,00	740.000
146	Lương Thị Ghi	10/03/1940	Du Lễ 2	1,00	740.000
147	Nguyễn Thị Tý	01/01/1935	Du Lễ 2	1,00	740.000
148	Nguyễn Thị Chuột	10/08/1935	Du Lễ 2	1,00	740.000
149	Nguyễn Thị Khể	10/05/1927	Du Lễ 2	1,00	740.000
150	Nguyễn Thị Ngan	08/06/1924	Du Lễ 2	1,00	740.000
151	Nguyễn Thị Triệu	06/05/1939	Du Lễ 2	1,00	740.000
152	Nguyễn Thị Ràng	08/03/1941	Du Lễ 2	1,00	740.000
153	Phạm Hữu Liêu	03/10/1932	Du Lễ 2	1,00	740.000
154	Phạm Thị Bồi	06/08/1927	Du Lễ 2	1,00	740.000
155	Phạm Thị Hoẽn	01/01/1921	Du Lễ 2	1,00	740.000
156	Phạm Duy Phi	08/10/1936	Du Lễ 2	1,00	740.000
157	Phạm Hữu Phê	01/05/1922	Du Lễ 2	1,00	740.000
158	Phạm Thị Uý	19/04/1905	Du Lễ 2	1,00	740.000
159	Phạm Hữu Phong	18/09/1939	Du Lễ 2	1,00	740.000
160	Phạm Tiến Sách	12/08/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
161	Phạm Thị Ê	01/01/1941	Du Lễ 2	1,00	740.000
162	Phạm Thị Qúy	17/06/1940	Du Lễ 2	1,00	740.000
163	Tăng Thị Nhẫm	12/12/1932	Du Lễ 2	1,00	740.000
164	Tăng Thị Cảo	10/06/1936	Du Lễ 2	1,00	740.000
165	Trần Thị Sâm	10/07/1932	Du Lễ 2	1,00	740.000
166	Phạm Thị Sửu	01/01/1936	Du Lễ 2	1,00	740.000
167	Đỗ Thị Nhỡ	18/03/1946	Du Lễ 2	1,00	740.000
168	Phạm Thị Giới	30/08/1949	Du Lễ 2	1,00	740.000
169	Nguyễn Thị Ven	01/01/1949	Du Lễ 2	1,00	740.000
170	Đào Thị Chầm	15/06/1947	Du Lễ 2	1,00	740.000
171	Phạm Thị Hánh	13/07/1947	Du Lễ 2	1,00	740.000
172	Nguyễn Thị Bí	23/07/1945	Du Lễ 2	1,00	740.000
173	Phạm Năng Tình	10/06/1946	Du Lễ 2	1,00	740.000
174	Đỗ Danh Vân	05/09/1946	Du Lễ 2	1,00	740.000
175	Nguyễn Thị Dung	20/04/1948	Du Lễ 2	1,00	740.000
176	Đào Thị Nếp	02/03/1950	Du Lễ 2	1,00	740.000
177	Phạm Thị Nệm	01/02/1949	Du Lễ 2	1,00	740.000

178	Nguyễn Sỹ Ngò	15/03/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
179	Đào Thị Hiên	22/01/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
180	Phạm Thị Vân	10/02/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
181	Cao Thị Tẽo	12/04/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
182	Nguyễn Thị Mến	10/04/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
183	Hoàng Ngọc Toàn	01/05/1942	Du Lễ 3	1,00	740.000
184	Nguyễn Thị Thắm	02/10/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
185	Đào Thị Sóng	15/04/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
186	Nguyễn Thị Thảo	14/05/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
187	Nguyễn Thị Lẻo	10/07/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
188	Phạm Văn Thái	15/10/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
189	Nguyễn Thị Chánh	01/10/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
190	Phạm Thị Mận	05/01/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
191	Nguyễn Thị Vân	01/01/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
192	Phạm Tiến Nhương	18/06/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
193	Hoàng Trung Thực	10/10/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
194	Hoàng Thị Chuyền	01/01/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
195	Đào Thị Trích	01/01/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
196	Tăng Xuân Phố	06/03/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
197	Nguyễn Thị Hải	25/02/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
198	Đỗ Văn Vịnh	01/10/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
199	Đỗ Văn Thuyết	14/02/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
200	Phạm Thị Phin	05/10/1946	Du Lễ 3	1,00	740.000
201	Phạm Duy Tài	08/08/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
202	Tăng Xuân Đinh	03/08/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
203	Hoàng Ngọc Cận	10/10/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
204	Nguyễn Thị Lượt	01/10/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
205	Hoàng Thị Xoan	14/10/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
206	Bùi Thị Mùa	20/10/1942	Du Lễ 3	1,00	740.000
207	Hoàng Ngọc Ban	10/10/1937	Du Lễ 3	1,00	740.000
208	Nguyễn Thị Phác	01/01/1937	Du Lễ 3	1,00	740.000
209	Nguyễn Thị Phèn	01/01/1941	Du Lễ 3	1,00	740.000
210	Phạm Thị Hoan	01/10/1936	Du Lễ 3	1,00	740.000
211	Tăng Xuân Bưu	05/05/1935	Du Lễ 3	1,00	740.000
212	Tăng Xuân Tần	01/01/1937	Du Lễ 3	1,00	740.000
213	Tăng Thị Biêm	28/02/1941	Du Lễ 3	1,00	740.000
214	Phạm Duy Duyên	20/01/1944	Du Lễ 3	1,00	740.000

215	Nguyễn Sĩ Tân	01/10/1945	Du Lễ 3	1,00	740.000
216	Đỗ Thị Vị	07/03/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
217	Phạm Năng Tằm	01/10/1945	Du Lễ 3	1,00	740.000
218	Nguyễn Sĩ Uộn	15/03/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
219	Nguyễn Thị Bót	26/06/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
220	Nguyễn Thị Y	07/08/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
221	Nguyễn Thị Nhiện	21/03/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
222	Ngô Thị Vinh	15/06/1949	Du Lễ 3	1,00	740.000
223	Vũ Thị Bảng	20/06/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
224	Phạm Thị Nhiến	16/03/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
225	Đào Thị Lý	08/03/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
226	Nguyễn Thị Thuấn	01/07/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
227	Phạm Đăng Lâm	01/05/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
228	Nguyễn Sỹ Dểnh	08/09/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
229	Nguyễn Thị Nở	12/06/1948	Du Lễ 3	1,00	740.000
230	Phạm Thị Lân	10/02/1947	Du Lễ 3	1,00	740.000
231	Nguyễn Thị Quy	14/08/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
232	Phạm Thị Muội	28/10/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
233	Hoàng Ngọc Ngoạn	08/06/1950	Du Lễ 3	1,00	740.000
234	Nguyễn Thị Xít	06/02/1951	Du Lễ 3	1,00	740.000
235	Nguyễn Thị Lịch	04/07/1951	Du Lễ 3	1,00	740.000
236	Phạm Năng Tơ	10/03/1951	Du Lễ 3	1,00	740.000
237	Cao Thị Nhấm	10/05/1951	Du Lễ 3	1,00	740.000
238	Hoàng Văn Cảnh	18/06/1951	Du Lễ 3	1,00	740.000
239	Hoàng Thị Thước	02/08/1951	Du Lễ 3	1,00	740.000
240	Nguyễn Thị Thi	15/05/1928	Mai Dương	1,00	740.000
241	Nguyễn Thị Trầm	01/01/1936	Mai Dương	1,00	740.000
242	Nguyễn Thị Rảo	01/05/1934	Mai Dương	1,00	740.000
243	Nguyễn Thị Thoán	02/07/1930	Mai Dương	1,00	740.000
244	Nguyễn Thị Thển	07/05/1935	Mai Dương	1,00	740.000
245	Phạm Thị Lọ	17/09/1936	Mai Dương	1,00	740.000
246	Phạm Thị Nhiễu	04/01/1935	Mai Dương	1,00	740.000
247	Trịnh Thị Mến	01/04/1932	Mai Dương	1,00	740.000
248	Nguyễn Thị Nhận	05/10/1938	Mai Dương	1,00	740.000
249	Kiều Thị Hoành	20/04/1939	Mai Dương	1,00	740.000
250	Mai Thị Liêm	17/04/1944	Mai Dương	1,00	740.000
251	Nguyễn Đình Trọng	20/04/1939	Mai Dương	1,00	740.000

252	Nguyễn Quốc Thịnh	12/12/1943	Mai Dương	1,00	740.000
253	Nguyễn Thị Trợ	10/10/1944	Mai Dương	1,00	740.000
254	Phạm Đình Vang	20/04/1949	Mai Dương	1,00	740.000
255	Phùng Thị Vui	01/01/1949	Mai Dương	1,00	740.000
256	Đào Thị Mùi	05/05/1948	Mai Dương	1,00	740.000
257	Phạm Thị Thiến	10/02/1948	Mai Dương	1,00	740.000
258	Nguyễn Thế Rậc	10/08/1950	Mai Dương	1,00	740.000
259	Đặng Thị Xu©n	12/03/1928	Mai Dương	1,00	740.000
260	Kiều Thị Dài	01/01/1930	Mai Dương	1,00	740.000
261	Nguyễn Đăng Ve	23/04/1937	Nghi dương	1,00	740.000
262	Đoụn Thị Chuyền	01/01/1930	Nghi dương	1,00	740.000
263	Trịnh Thị Thịnh	01/03/1940	Nghi Dương	1,00	740.000
264	Nguyễn Thị Thậm	12/04/1929	Nghi dương	1,00	740.000
265	Nguyễn Trung Thập	20/05/1936	Nghi dương	1,00	740.000
266	Phạm Thị Thoan	02/07/1930	Nghi Dương	1,00	740.000
267	Đinh Thị Tui	09/07/1951	Nghi Dương	1,00	740.000
268	Nguyễn Thị Chính	01/01/1938	Nghi dương	1,00	740.000
269	Vũ Văn Trầm	01/10/1933	Nghi dương	1,00	740.000
270	Nguyễn Thị Đàn	01/01/1941	Nghi dương	1,00	740.000
271	Nguyễn Văn Năng	10/10/1940	Nghi dương	1,00	740.000
272	Nguyễn Đình Liên	09/10/1943	Nghi Dương	1,00	740.000
273	Vũ Thị Mi	12/04/1947	Nghi Dương	1,00	740.000
274	Nguyễn Thị Lưỡng	01/01/1949	Nghi Dương	1,00	740.000
275	Nguyễn Thị Nhinh	01/09/1949	Nghi Dương	1,00	740.000
276	Nguyễn Đăng Chung	10/05/1948	Nghi Dương	1,00	740.000
277	Vũ Thị Xuân	01/01/1948	Nghi Dương	1,00	740.000
278	Nguyễn Thị Chương	03/09/1949	Nghi Dương	1,00	740.000
279	Đào Thị Đước	08/03/1950	Nghi Dương	1,00	740.000
280	Nguyễn Xuân Hiền	20/01/1951	Nghi Dương	1,00	740.000
281	Hoàng Văn Phúc	19/01/1950	Nghi Dương	1,00	740.000
282	Bùi Thị Xiu	01/01/1939	Tú Đôi 1	1,00	740.000
283	Đỗ Thị Hạnh	18/06/1937	Tú Đôi 1	1,00	740.000
284	Đỗ Thị Nhứ	24/07/1940	Tú Đôi 1	1,00	740.000
285	Nguyễn Thị Ái	01/01/1940	Tú Đôi 1	1,00	740.000
286	Nguyễn Thị Gạn	01/01/1940	Tú Đôi 1	1,00	740.000
287	Phạm Thị Đanh	01/01/1942	Tú Đôi 1	1,00	740.000
288	Phạm Thị Phỏng	06/07/1936	Tú Đôi 1	1,00	740.000

289	Vũ Thị Tứ	01/01/1938	Tú Đôi 1	1,00	740.000
290	Vũ Thị Vị	20/07/1943	Tú Đôi 1	1,00	740.000
291	Vũ Hữu Bong	01/01/1940	Tú Đôi 1	1,00	740.000
292	Nguyễn Thị Cớn	18/03/1942	Tú Đôi 1	1,00	740.000
293	Nguyễn Thị Bi	03/10/1938	Tú Đôi 1	1,00	740.000
294	Nguyễn Đình Hưu	01/01/1940	Tú Đôi 1	1,00	740.000
295	Nguyễn Thị Như	01/01/1929	Tú Đôi 1	1,00	740.000
296	Hoàng Thị Hiền	01/01/1940	Tú Đôi 1	1,00	740.000
297	Phạm Thị Chín	01/01/1939	Tú Đôi 1	1,00	740.000
298	Nguyễn Thị Gạn	05/07/1933	Tú Đôi 1	1,00	740.000
299	Vũ Thị Tim	08/08/1939	Tú Đôi 1	1,00	740.000
300	Nguyễn Đình Dung	04/05/1932	Tú Đôi 1	1,00	740.000
301	Nguyễn Thị Đệ	01/01/1935	Tú Đôi 1	1,00	740.000
302	Nguyễn Sĩ Hồng	12/08/1944	Tú Đôi 1	1,00	740.000
303	Nguyễn Đình Nguyễn	03/10/1944	Tú Đôi 1	1,00	740.000
304	Đỗ Thị Tim	20/10/1942	Tú Đôi 2	1,00	740.000
305	Đào Thị Mọn	01/01/1939	Tú Đôi 2	1,00	740.000
306	Đỗ Thị Nhỡ	01/01/1932	Tú Đôi 2	1,00	740.000
307	Đỗ Thị Răng	10/04/1937	Tú Đôi 2	1,00	740.000
308	Đỗ Thị Tý	01/01/1938	Tú Đôi 2	1,00	740.000
309	Nguyễn Danh Chín	02/02/1939	Tú Đôi 2	1,00	740.000
310	Nguyễn Sỹ Sảng	01/01/1939	Tú Đôi 2	1,00	740.000
311	Nguyễn Sỹ Tịch	01/01/1941	Tú Đôi 2	1,00	740.000
312	Nguyễn Thị Nhu	01/01/1934	Tú Đôi 2	1,00	740.000
313	Nguyễn Thị Phiến	21/10/1941	Tú Đôi 2	1,00	740.000
314	Nguyễn Thị Tơ	04/05/1929	Tú Đôi 2	1,00	740.000
315	Nguyễn Thị Chín	15/06/1941	Tú Đôi 2	1,00	740.000
316	Phạm Thị Lừng	01/01/1939	Tú Đôi 2	1,00	740.000
317	Vũ Thị May	01/01/1940	Tú Đôi 2	1,00	740.000
318	Vũ Thị Op	01/01/1941	Tú Đôi 2	1,00	740.000
319	Đào Thị Mận	04/08/1937	Tú Đôi 2	1,00	740.000
320	Nguyễn Sỹ Tâng	01/05/1944	Tú Đôi 2	1,00	740.000
321	Đào Xuân Nho	01/01/1938	Tú Đôi 2	1,00	740.000
322	Nguyễn Sỹ Thứ	01/01/1942	Tú Đôi 2	1,00	740.000
323	Phạm Thị Luyến	10/10/1943	Tú Đôi 2	1,00	740.000
324	Nguyễn Thị Bần	01/01/1938	Tú Đôi 2	1,00	740.000
325	Đỗ Danh Hút	01/01/1938	Tú Đôi 2	1,00	740.000

326	Phạm Thị Làu	01/01/1932	Tú Đôi 2	1,00	740.000
327	Nguyễn Thị Thê	01/01/1942	Tú Đôi 2	1,00	740.000
328	Đỗ Danh Thọ	19/06/1934	Tú Đôi 2	1,00	740.000
329	Nguyễn Sĩ Quynh	16/08/1940	Tú Đôi 2	1,00	740.000
330	Đỗ Danh Lùn	01/01/1937	Tú Đôi 2	1,00	740.000
331	Đỗ Thị Cường	02/08/1944	Tú Đôi 2	1,00	740.000
332	Phạm Thị Nhá	01/07/1942	Tú Đôi 2	1,00	740.000
333	Đào Thị Ty	01/01/1945	Tú Đôi 2	1,00	740.000
334	Dương Văn Vổ	02/03/1931	Tú Đôi 3	1,00	740.000
335	Đào Thị Bề	10/10/1935	Tú Đôi 3	1,00	740.000
336	Đào Thị Nhung	18/06/1943	Tú Đôi 3	1,00	740.000
337	Đào Xuân Vở	01/01/1944	Tú Đôi 3	1,00	740.000
338	Đỗ Thị Khiên	06/02/1933	Tú Đôi 3	1,00	740.000
339	Đỗ Thị Mùi	20/06/1942	Tú Đôi 3	1,00	740.000
340	Hoàng Thị Thướng	09/01/1935	Tú Đôi 3	1,00	740.000
341	Nguyễn Thị Êch	01/10/1938	Tú Đôi 3	1,00	740.000
342	Nguyễn Thị Huyên	01/01/1942	Tú Đôi 3	1,00	740.000
343	Nguyễn Thị Nhiên	16/03/1937	Tú Đôi 3	1,00	740.000
344	Nguyễn Thị Tiền	01/02/1944	Tú Đôi 3	1,00	740.000
345	Nguyễn Thị Thuận	07/06/1938	Tú Đôi 3	1,00	740.000
346	Phạm Thị Cùi	01/01/1936	Tú Đôi 3	1,00	740.000
347	Phạm Thị Ngoày	10/10/1930	Tú Đôi 3	1,00	740.000
348	Vũ Thị Co	01/01/1931	Tú Đôi 3	1,00	740.000
349	Vũ Thị Hênh	07/05/1935	Tú Đôi 3	1,00	740.000
350	Vũ Thị Thùy	10/08/1940	Tú Đôi 3	1,00	740.000
351	Đào Thị Gái	01/01/1931	Tú Đôi 3	1,00	740.000
352	Đào Thị Ngồm	01/01/1940	Tú Đôi 3	1,00	740.000
353	Đào Thị Chọ	01/12/1930	Tú Đôi 3	1,00	740.000
354	Nguyễn Sĩ Hai	04/01/1943	Tú Đôi 3	1,00	740.000
355	Nguyễn Thị Bầy	01/01/1943	Tú Đôi 3	1,00	740.000
356	Đỗ Thị Ngôm	03/04/1940	Tú Đôi 3	1,00	740.000
357	Đào Thị Thinh	20/06/1943	Tú Đôi 3	1,00	740.000
358	Vũ Thị Khỏe	06/12/1934	Tú Đôi 3	1,00	740.000
359	Đào Thị Nhận	01/01/1926	Tú Đôi 3	1,00	740.000
360	Nguyễn Thị Tuất	05/10/1945	Tú Đôi 3	1,00	740.000
361	Hoàng Thế Cự	01/08/1946	Tú Đôi 3	1,00	740.000
362	Nguyễn Thị Bết	20/02/1950	Tú Đôi 3	1,00	740.000

363	Nguyễn Quốc Tuấn	24/08/1945	Tú Đôi 3	1,00	740.000
364	Đào Quốc Đạt	12/01/1947	Tú Đôi 3	1,00	740.000
365	Nguyễn Thị Sành	16/05/1947	Tú Đôi 3	1,00	740.000
366	Đào Xuân Láp	25/02/1950	Tú Đôi 3	1,00	740.000
367	Nguyễn Thị Mảnh	01/01/1946	Tú Đôi 3	1,00	740.000
368	Đào Xuân Nhường	25/10/1948	Tú Đôi 3	1,00	740.000
369	Đào Xuân Hai	15/06/1950	Tú Đôi 3	1,00	740.000
370	Đỗ Thị Cậy	01/10/1945	Tú Đôi 3	1,00	740.000
371	Nguyễn Thị Huyền	16/07/1948	Tú Đôi 3	1,00	740.000
372	Vũ Thị Qùy	01/08/1945	Tú Đôi 3	1,00	740.000
373	Nguyễn Thị Len	01/09/1950	Tú Đôi 3	1,00	740.000
374	Phạm Đắc Ba	09/12/1950	Tú Đôi 3	1,00	740.000
375	Nguyễn Thị Lý	10/05/1951	Tú Đôi 3	1,00	740.000
376	Đào Thị Chón	08/01/1935	Tú Đôi 4	1,00	740.000
377	Đào Thị Y	01/01/1937	Tú Đôi 4	1,00	740.000
378	Nguyễn Thị Thuần	01/01/1942	Tú Đôi 4	1,00	740.000
379	Đào Thị Hệ	14/05/1943	Tú Đôi 4	1,00	740.000
380	Đào Thị Nghị	10/01/1931	Tú Đôi 4	1,00	740.000
381	Đào Văn Cồn	05/01/1933	Tú Đôi 4	1,00	740.000
382	Đào Văn Thiệp	01/01/1942	Tú Đôi 4	1,00	740.000
383	Nguyễn Sỹ Thứ	16/07/1944	Tú Đôi 4	1,00	740.000
384	Nguyễn Thị Lợi	05/05/1935	Tú Đôi 4	1,00	740.000
385	Nguyễn Sỹ Chơ	10/10/1943	Tú Đôi 4	1,00	740.000
386	Đào Thị Thắm	01/01/1941	Tú Đôi 4	1,00	740.000
387	Đỗ Thị Phương	18/01/1943	Tú Đôi 4	1,00	740.000
388	Đào Thị Bốn	01/01/1927	Tú Đôi 4	1,00	740.000
389	Phạm Thị Quỳnh	20/01/1943	Tú Đôi 4	1,00	740.000
390	Vũ Thị Nghí	01/01/1937	Tú Đôi 4	1,00	740.000
391	Bùi Thị Đó	10/05/1930	Tú Đôi 4	1,00	740.000
392	Phạm Năng Hồi	01/01/1944	Tú Đôi 4	1,00	740.000
393	Nguyễn Sĩ Kiên	09/08/1939	Tú Đôi 4	1,00	740.000
394	Phạm Thị Quỳnh	06/07/1951	Tú Đôi 4	1,00	740.000
395	Phạm Thị Nhật	01/01/1940	Tú Đôi 4	1,00	740.000
396	Nguyễn Thị Tứ	10/05/1943	Tú Đôi 4	1,00	740.000
397	Đào Thị Nên	21/09/1943	Tú Đôi 4	1,00	740.000
398	Phạm Thị Phương	01/01/1936	Tú Đôi 4	1,00	740.000
399	Nguyễn Thị Tôm	20/10/1933	Tú Đôi 4	1,00	740.000

400	Nguyễn Thị Tư	01/01/1937	Tú Đôi 4	1,00	740.000
401	Phạm Thị Mè	10/01/1930	Tú Đôi 4	1,00	740.000
402	Lương Thị Tâm	01/01/1937	Tú Đôi 4	1,00	740.000
403	Đỗ Thị Mý	25/06/1930	Tú Đôi 4	1,00	740.000
404	Nguyễn Sĩ Thời	18/06/1945	Tú Đôi 4	1,00	740.000
405	Nguyễn Thị An	01/04/1949	Tú Đôi 4	1,00	740.000
406	Nguyễn Thị Hưu	01/01/1948	Tú Đôi 4	1,00	740.000
407	Nguyễn Thị Oanh	10/03/1950	Tú Đôi 4	1,00	740.000
408	Nguyễn Thị Tàm	01/01/1947	Tú Đôi 4	1,00	740.000
409	Nguyễn Sỹ Cử	26/07/1950	Tú Đôi 4	1,00	740.000
410	Nguyễn Thị Thành	06/08/1945	Tú Đôi 4	1,00	740.000
411	Nguyễn Thị Phưởng	08/03/1946	Tú Đôi 4	1,00	740.000
412	Đào Văn Mơ	08/06/1949	Tú Đôi 4	1,00	740.000
413	Cao Thị Mỳ	20/02/1948	Tú Đôi 4	1,00	740.000
414	Đào Văn Vìn	01/01/1948	Tú Đôi 4	1,00	740.000
415	Nguyễn Thị Quýt	06/03/1946	Tú Đôi 4	1,00	740.000
416	Nguyễn Đình Đến	09/09/1949	Tú Đôi 4	1,00	740.000
417	Nguyễn Thị Vền	27/02/1948	Tú Đôi 4	1,00	740.000
418	Nguyễn Thị Đua	20/06/1948	Tú Đôi 4	1,00	740.000
419	Nguyễn Thị Tới	10/09/1949	Tú Đôi 4	1,00	740.000
420	Vũ Thị Phiến	01/01/1949	Tú Đôi 4	1,00	740.000
421	Đỗ Thị Dử	10/10/1950	Tú Đôi 4	1,00	740.000
422	Đào Thị Chiền	01/08/1950	Tú Đôi 4	1,00	740.000
423	Nguyễn Sĩ Sử	18/10/1950	Tú Đôi 4	1,00	740.000
424	Đỗ Thị Tươi	01/01/1951	Tú Đôi 4	1,00	740.000
425	Đào Văn Phả	01/01/1951	Tú Đôi 4	1,00	740.000
426	Đào Thị Tứ	10/05/1951	Tú Đôi 4	1,00	740.000
427	Vũ Thị Luyến	05/05/1951	Tú Đôi 4	1,00	740.000
428	Đào Thị Én	15/09/1932	Tú Đôi 5	1,00	740.000
429	Đào Xuân Tuấn	06/07/1943	Tú Đôi 5	1,00	740.000
430	Đỗ Thị Lựu	22/03/1943	Tú Đôi 5	1,00	740.000
431	Hoàng Hải Ninh	02/07/1932	Tú Đôi 5	1,00	740.000
432	Hoàng Thị Hiếu	01/01/1932	Tú Đôi 5	1,00	740.000
433	Nguyễn Sỹ Chiêu	01/01/1940	Tú Đôi 5	1,00	740.000
434	Nguyễn Thị Bén	10/06/1935	Tú Đôi 5	1,00	740.000
435	Nguyễn Thị Dần	01/01/1941	Tú Đôi 5	1,00	740.000
436	Nguyễn Thị Mỵ	01/01/1928	Tú Đôi 5	1,00	740.000

437	Nguyễn Thị Nghị	07/02/1932	Tú Đôi 5	1,00	740.000
438	Đào Xuân Dưỡng	02/12/1938	Tú Đôi 5	1,00	740.000
439	Vũ Hữu Ẩm	23/05/1928	Tú Đôi 5	1,00	740.000
440	Đào Xuân Hiến	06/12/1943	Tú Đôi 5	1,00	740.000
441	Đào Xuân Thái	14/04/1942	Tú Đôi 5	1,00	740.000
442	Phạm Thị Nghị	01/01/1939	Tú Đôi 5	1,00	740.000
443	Đào Xuân Hãng	01/01/1935	Tú Đôi 5	1,00	740.000
444	Phạm Thị Nhật	01/01/1940	Tú Đôi 5	1,00	740.000
445	Đỗ Thị Toan	01/01/1932	Tú Đôi 5	1,00	740.000
446	Nguyễn Thị Mĩn	15/10/1944	Tú Đôi 5	1,00	740.000
447	Đào Thị Tý	27/04/1950	Tú Đôi 5	1,00	740.000
448	Đỗ Danh Sợ	02/07/1950	Tú Đôi 5	1,00	740.000
449	Nguyễn Thị Ân	02/02/1948	Tú Đôi 5	1,00	740.000
450	Nguyễn Thị Đơ	24/04/1949	Tú Đôi 5	1,00	740.000
451	Nguyễn Thị Thành	03/07/1946	Tú Đôi 5	1,00	740.000
452	Nguyễn Thị Luyến	19/05/1947	Tú Đôi 5	1,00	740.000
453	Đào Thị Ty	18/11/1947	Tú Đôi 5	1,00	740.000
454	Đào Thị Duyên	05/06/1949	Tú Đôi 5	1,00	740.000
455	Đỗ Thị Quy	07/05/1948	Tú Đôi 5	1,00	740.000
456	Đỗ Thị Ưa	06/10/1948	Tú Đôi 5	1,00	740.000
457	Phạm Thị Tòng	28/12/1950	Tú Đôi 5	1,00	740.000
458	Đào Xuân Vũ	01/01/1949	Tú Đôi 5	1,00	740.000
459	Nguyễn Thị Tở	14/02/1951	Tú Đôi 5	1,00	740.000
460	Đào Văn Giang	04/05/1951	Tú Đôi 5	1,00	740.000
461	Đỗ Thị Nhứ	30/05/1951	Tú Đôi 5	1,00	740.000
462	Hoàng Thị Ty	07/08/1945	Tú Đôi 5	1,00	740.000
463	Đào Quang Lợi	01/05/1949	Tú Đôi 5	1,00	740.000
464	Phạm Thị Mơ	27/01/1949	Tú Đôi 5	1,00	740.000
465	Nguyễn Văn Sử	01/01/1948	Tú Đôi 5	1,00	740.000
466	Đào Thị Ky	22/05/1950	Tú Đôi 5	1,00	740.000
467	Phạm Thị Luyên	14/10/1949	Tú Đôi 5	1,00	740.000
468	Đào Xuân Thám	06/03/1947	Tú Đôi 5	1,00	740.000
469	Nguyễn Thị Đoanh	08/03/1950	Tú Đôi 5	1,00	740.000
470	Phạm Thị Khuyên	01/01/1946	Tú Đôi 5	1,00	740.000
471	Hồ Thị Vải	02/08/1937	Xuân Chiếng	1,00	740.000
472	Bùi Thị Truy	01/01/1927	Xuân Chiếng	1,00	740.000
473	Bùi Thị Thư	01/01/1933	Xuân Chiếng	1,00	740.000

474	Bùi Thị Tỵ	01/01/1932	Xuân Chiếng	1,00	740.000
475	Nguyễn Thị Lan	10/12/1941	Xuân Chiếng	1,00	740.000
476	Ngô Thị Hòa	01/01/1930	Xuân Chiếng	1,00	740.000
477	Nguyễn Thị An	01/01/1936	Xuân Chiếng	1,00	740.000
478	Nguyễn Thị Hoàn	01/01/1936	Xuân Chiếng	1,00	740.000
479	Nguyễn Thị Chiếng	01/01/1932	Xuân Chiếng	1,00	740.000
480	Nguyễn Thị Kiếng	01/01/1933	Xuân Chiếng	1,00	740.000
481	Trần Đăng Thoát	01/01/1938	Xuân Chiếng	1,00	740.000
482	Ngô Thị My	07/01/1938	Xuân Chiếng	1,00	740.000
483	Nguyễn Thị Mùi	01/01/1940	Xuân Chiếng	1,00	740.000
484	Đào Thị Ngái	01/01/1925	Xuân Chiếng	1,00	740.000
485	Trần Thị Tịnh	01/01/1931	Xuân Chiếng	1,00	740.000
486	Nguyễn Trọng Đắc	01/01/1941	Xuân Chiếng	1,00	740.000
487	Bùi Thị Ốc	01/01/1941	Xuân Chiếng	1,00	740.000
488	Nguyễn Sỹ Được	01/04/1941	Xuân Chiếng	1,00	740.000
489	Nguyễn Thị Tuyền	01/01/1942	Xuân Chiếng	1,00	740.000
490	Bùi Thị Đam	01/01/1942	Xuân Chiếng	1,00	740.000
491	Đinh Thị Hồi	01/01/1942	Xuân Chiếng	1,00	740.000
492	Lã Đắc Phồn	03/03/1942	Xuân Chiếng	1,00	740.000
493	Nguyễn Thị Lần	12/04/1942	Xuân Chiếng	1,00	740.000
494	Phạm Thị Khiện	01/02/1941	Xuân Chiếng	1,00	740.000
495	Bùi Đức Kiên	02/04/1943	Xuân Chiếng	1,00	740.000
496	Nguyễn Thị Bọt	01/01/1945	Xuân Chiếng	1,00	740.000
497	Vũ Thị Thắng	01/01/1945	Xuân Chiếng	1,00	740.000
498	Nguyễn Danh Tư	20/04/1945	Xuân Chiếng	1,00	740.000
499	Nguyễn Thị Tản	06/11/1947	Xuân Chiếng	1,00	740.000
500	Nguyễn Thị Nhàn	01/01/1947	Xuân Chiếng	1,00	740.000
501	Cao Thị Xy	01/01/1948	Xuân Chiếng	1,00	740.000
502	Lý Quốc Bảo	20/05/1950	Xuân Chiếng	1,00	740.000
503	Nguyễn Thị Huê	01/01/1950	Xuân Chiếng	1,00	740.000
504	Nguyễn Danh Biên	22/04/1947	Xuân Chiếng	1,00	740.000
505	Vũ Văn Bình	10/07/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
506	Nguyễn Thị Nga	01/01/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
507	Nguyễn Thị Huyền	01/05/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
508	Nguyễn Danh Thu	05/05/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
509	Lý Thị Vính	01/01/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
510	Lê Thị Thắm	01/01/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000

511	Nguyễn Thị Nhì	15/02/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
512	Trần Bá Rõi	05/12/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
513	Đỗ Như Chiềng	08/02/1949	Xuân Chiếng	1,00	740.000
514	Lương Phú Duy	20/04/1950	Xuân Chiếng	1,00	740.000
515	Nguyễn Văn Toan	21/07/1950	Xuân Chiếng	1,00	740.000
516	Nguyễn Thi Điều	01/01/1951	Xuân Chiếng	1,00	740.000
517	Bùi Thị Đơ	23/06/1948	Xuân Chiếng	1,00	740.000
518	Lê Thị Huệ	20/05/1951	Xuân Chiếng	1,00	740.000
519	Đào Thị Thước	06/01/1934	Xuân Đông	1,00	740.000
520	Nguyễn Thị Khiếm	07/05/1937	Xuân Đông	1,00	740.000
521	Cao Thị Khắp	01/06/1930	Xuân Đông	1,00	740.000
522	Lương Thị Bé	01/07/1933	Xuân Đông	1,00	740.000
523	Lê Thị Luồi	10/10/1935	Xuân Đông	1,00	740.000
524	Nguyễn Thị Hường	20/06/1928	Xuân Đông	1,00	740.000
525	Nguyễn Hữu Bám	01/05/1933	Xuân Đông	1,00	740.000
526	Nguyễn Thị Gái	01/01/1931	Xuân Đông	1,00	740.000
527	Nguyễn Thị Tiến	10/10/1936	Xuân Đông	1,00	740.000
528	Phạm Đức Chung	01/01/1935	Xuân Đông	1,00	740.000
529	Phạm Thị Bến	10/10/1933	Xuân Đông	1,00	740.000
530	Phạm Thị Mít	01/10/1934	Xuân Đông	1,00	740.000
531	Phạm Thị Kiệt	01/01/1931	Xuân Đông	1,00	740.000
532	Phạm Thị Luy	02/01/1933	Xuân Đông	1,00	740.000
533	Phạm Thị Nhỡ	10/10/1935	Xuân Đông	1,00	740.000
534	Trần Thị Qúy	01/01/1927	Xuân Đông	1,00	740.000
535	Nguyễn Hữu Trạnh	01/01/1938	Xuân Đông	1,00	740.000
536	Nguyễn Thị Duân	01/01/1938	Xuân Đông	1,00	740.000
537	Lương Thị Khiển	01/10/1938	Xuân Đông	1,00	740.000
538	Lý Thị Phường	01/10/1938	Xuân Đông	1,00	740.000
539	Nguyễn Thị Én	08/03/1939	Xuân Đông	1,00	740.000
540	Đinh Thị Xa	20/01/1939	Xuân Đông	1,00	740.000
541	Bùi Thị Đám	01/01/1939	Xuân Đông	1,00	740.000
542	Phạm Đức Hanh	01/05/1938	Xuân Đông	1,00	740.000
543	Phạm Đức Sùng	25/10/1932	Xuân Đông	1,00	740.000
544	Nguyễn Xuân Cà	01/05/1940	Xuân Đông	1,00	740.000
545	Lương Văn Hoa	12/12/1940	Xuân Đông	1,00	740.000
546	Nguyễn Văn Toàn	03/07/1951	Xuân Đông	1,00	740.000
547	Nguyễn Đình Chừng	12/08/1951	Xuân Đông	1,00	740.000

548	Phạm Đức Kin	11/12/1940	Xuân Đông	1,00	740.000
549	Phạm Đức Tể	01/05/1941	Xuân Đông	1,00	740.000
550	Phạm Thị Miền	25/05/1941	Xuân Đông	1,00	740.000
551	Đào Thị Đan	23/04/1905	Xuân Đông	1,00	740.000
552	Phạm Đức Thướng	10/10/1942	Xuân Đông	1,00	740.000
553	Nguyễn Thị Tươi	01/10/1946	Xuân Đông	1,00	740.000
554	Phạm Đức Khoát	01/01/1950	Xuân Đông	1,00	740.000
555	Ngô Thị Khiên	13/04/1950	Xuân Đông	1,00	740.000
556	Nguyễn Thị Vui	09/02/1950	Xuân Đông	1,00	740.000
557	Phạm Thị Lự	01/01/1950	Xuân Đông	1,00	740.000
558	Nguyễn Thị Lựa	10/09/1947	Xuân Đông	1,00	740.000
559	Phạm Đức Quý	01/05/1947	Xuân Đông	1,00	740.000
560	Phạm Thị Thảnh	10/10/1948	Xuân Đông	1,00	740.000
561	Đinh Thị Huề	12/08/1948	Xuân Đông	1,00	740.000
562	Đinh Huy Cận	03/04/1949	Xuân Đông	1,00	740.000
563	Nguyễn Tiến Hăng	06/07/1955	Xuân Đông	1,00	740.000
564	Kiều Hữu Kiến	08/03/1955	Xuân Đông	1,00	740.000
565	Lương Văn My	02/10/1950	Xuân Đông	1,00	740.000
566	Phạm Thị Miến	05/05/1946	Xuân Đông	1,00	740.000
567	Nguyễn Duy Phấu	07/07/1951	Xuân Mai	1,00	740.000
568	Nguyễn Danh Quyện	01/03/1940	Xuân Mai	1,00	740.000
569	Nguyễn Thị Liền	01/01/1931	Xuân Mai	1,00	740.000
570	Nguyễn Thị Thừa	01/01/1931	Xuân Mai	1,00	740.000
571	Nguyễn Thị Đa	01/01/1934	Xuân Mai	1,00	740.000
572	Nguyễn Thị Thuân	05/09/1933	Xuân Mai	1,00	740.000
573	Phạm Thị Hảo	07/08/1920	Xuân Mai	1,00	740.000
574	Phạm Thị Lề	10/02/1933	Xuân Mai	1,00	740.000
575	Vũ Thị Nhã	10/10/1932	Xuân Mai	1,00	740.000
576	Phạm Thị Sừng	01/01/1940	Xuân Mai	1,00	740.000
577	Nguyễn Thị Phần	01/01/1940	Xuân Mai	1,00	740.000
578	Nguyễn Danh Điểm	10/06/1938	Xuân Mai	1,00	740.000
579	Nguyễn Quang Lăng	19/02/1937	Xuân Mai	1,00	740.000
580	Lương Thị Khi	01/01/1930	Xuân Mai	1,00	740.000
581	Hồ Thị Nhẹn	11/12/1942	Xuân Mai	1,00	740.000
582	Phạm Thị Phố	07/01/1941	Xuân Mai	1,00	740.000
583	Phạm Thị Bé	10/10/1939	Xuân Mai	1,00	740.000
584	Nguyễn Quang Phụng	10/05/1945	Xuân Mai	1,00	740.000

585	Phạm Đức Hùng	06/05/1945	Xuân Mai	1,00	740.000
586	Nguyễn Tiến Mè	28/08/1949	Xuân Mai	1,00	740.000
587	Nguyễn Danh Ưu	10/01/1949	Xuân Mai	1,00	740.000
588	Nguyễn Thị Ngàn	02/06/1949	Xuân Mai	1,00	740.000
589	Nguyễn Thị Đang	10/05/1949	Xuân Mai	1,00	740.000
590	Nguyễn Danh Hanh	25/08/1949	Xuân Mai	1,00	740.000
591	Nguyễn Thị The	02/05/1947	Xuân Mai	1,00	740.000
592	Lã Thị Nhừ	20/03/1948	Xuân Mai	1,00	740.000
593	Nguyễn Thị Nhừ	01/01/1955	Xuân Mai	1,00	740.000
594	Nguyễn Thị Hòe	04/09/1948	Xuân Mai	1,00	740.000
595	Nguyễn Thị Núi	24/04/1946	Xuân Mai	1,00	740.000
596	Phạm Thị Phương	01/01/1951	Xuân Mai	1,00	740.000
597	Nguyễn Danh Thái	25/05/1951	Xuân Mai	1,00	740.000
598	Vũ Hữu Chứa	20/07/1951	Tú Đôi 1	1,00	740.000
599	Nguyễn Khắc Lữ	20/10/1951	Du Lễ 2	1,00	740.000
600	Phạm Thị Siu	10/09/1951	Du Lễ 1	1,00	740.000
601	Nguyễn Thị Xây	18/04/1951	Tú Đôi 1	1,00	740.000
602	Nguyễn Sĩ Xây	25/10/1951	Tú Đôi 4	1,00	740.000
603	Lã Viết Thơi	05/11/1951	Xuân Chiếng	1,00	740.000
Đối tượng từ đủ 70 đến dưới 75 tuổi thuộc hộ cận nghèo					**14.060.000**
1	Nguyễn Đăng Đo	20/05/1956	Nghi Dương	1,00	740.000
2	Nguyễn Thị Thành	06/06/1953	Nghi Dương	1,00	740.000
3	Nguyễn Thị Vân	02/08/1956	Xuân Đông	1,00	740.000
4	Bùi Thị Lơ	01/09/1956	Xuân Mai	1,00	740.000
5	Phạm Thị Thanh	16/09/1955	Xuân Mai	1,00	740.000
6	Phạm Thị Toán	01/01/1956	Xuân Mai	1,00	740.000
7	Bùi Thị Đồi	01/10/1954	Du Lễ 3	1,00	740.000
8	Đỗ Đại Vuông	25/04/1951	Tú Đôi 1	1,00	740.000
9	Nguyễn Thị Luyến	27/06/1951	Tú Đôi 1	1,00	740.000
10	Vũ Thị Thụy	20/12/1954	Tú Đôi 1	1,00	740.000
11	Vũ Thị Hiền	05/06/1955	Tú Đôi 2	1,00	740.000
12	Nguyễn Thị Lới	01/06/1955	Tú Đôi 4	1,00	740.000
13	Nguyễn Thị Chúm	08/03/1954	Tú Đôi 5	1,00	740.000
14	Đào Thị Sáu	09/10/1954	Tú Đôi 5	1,00	740.000
15	Phạm Thị Xuân	06/06/1956	Tú Đôi 5	1,00	740.000
16	Nguyễn Thị Song	01/01/1953	Xuân Đông	1,00	740.000
17	Phạm Thị Nhính	13/04/1956	Xuân Đông	1,00	740.000

18	Lê Thị Tá	20/04/1956	Xuân Mai	1,00	740.000
19	Nguyễn Đức Giống	10/09/1956	Tú Đôi 1	1,00	740.000
	TỔNG				**460.280.000**

Tổng số người: 622 người

Tổng số tiền:* 460.280.*000 đồng.

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu hai trăm tám mươi đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

Phạm Thị Thanh Dung